

Bản án số: 154/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 31 - 12 - 2024  
V/v Ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhạn

2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Loan - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Đẹp - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 623/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Thạnh 1, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Bà Lý Hồng T, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 10 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Lý Hồng T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2020, có tổ chức lễ cưới theo phong tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Từ trước đến nay ông và bà T không đăng ký kết hôn với ai. Trong quá trình chung sống ông và bà T phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được, nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà T.

- *Về con chung, tài sản chung và nợ chung*: Thời gian chung sống ông và bà T không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn bà Lý Hồng T trình bày:*

- *Về hôn nhân*: Bà và ông Nguyễn Thanh H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2020, có tổ chức lễ cưới theo phong tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Từ trước đến nay bà và ông H không đăng ký kết hôn với ai. Trong quá trình chung sống bà và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được, nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông H.

- *Về con chung, tài sản chung và nợ chung*: Thời gian chung sống bà và ông H không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu phát biểu:*

*Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về việc giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận ông Nguyễn Thanh H và bà Lý Hồng T là vợ chồng. Do con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về thủ tục tố tụng*:

[2] Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H khởi kiện bị đơn bà Lý Hồng T có địa chỉ tại ấp 12, xã Phong Thạnh Đông, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

[3] Do ông H và bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt ông H, bà T là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung*:

[4] Về hôn nhân: Xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật nhưng ông bà không đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, thực tế ông H và bà T đã sống chung với nhau như vợ chồng và nay ông H có yêu cầu ly hôn nên theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để tuyên bố không công nhận ông Nguyễn

Thanh H và bà Lý Hồng T là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà T thống nhất xác định là ông bà không có con chung, tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Xét ý kiến của Kiểm sát viên có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

[7] Về án phí: Ông H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà T không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### ***Tuyên xử:***

**1. Về hôn nhân:** Không công nhận ông Nguyễn Thanh H và bà Lý Hồng T là vợ chồng.

**2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung:** Ông Nguyễn Thanh H và bà Lý Hồng T thống nhất xác định ông bà không có con chung, tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**3. Về án phí:** Ông Nguyễn Thanh H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Ông Nguyễn Thanh H đã dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009365 ngày 05 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên được chuyển thu. Bà Lý Hồng T không phải chịu án phí.

**4. Án xử sơ thẩm,** đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

#### ***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thị xã G;
- CCTHADS thị xã G;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Kim Nhi**